TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 08-Phòng Cơ điện, vận tải

Tháng 12 năm 2018

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		PC HĐCĐ	Lương AT	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	BHTT	Trừ tiền ăn			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**94**		**42.280.000**	**8**	**3.498.000**	**14**	**3.280.577**	**810.000**		**49.868.577**	**2.146.800**	**402.500**	**268.400**	**498.600**	**220.000**	**800.000**	**343.200**	**4.679.500**	**45.189.077**	
1	HL-00194	Nguyễn Quang Hùng	Trưởng phòng	6.948.000	27	A	13.448.000	3	1.608.000					15.056.000	555.800	104.200	69.500	150.600	55.000	200.000		1.135.100	13.920.900	
2	HL-01806	Đoàn Mạnh Hùng	Phó phòng	7.702.000	27	A	10.166.000	1	378.000					10.544.000	616.200	115.500	77.000	105.400	55.000	200.000		1.169.100	9.374.900	
3	HL-04071	Nguyễn Mậu Cường	Phó phòng	5.957.000	20	A	9.333.000	1	378.000	7	1.603.808			11.314.808	476.600	89.400	59.600	113.100	55.000	200.000	200.200	1.193.900	10.120.908	
4	HL-00097	Lê Xuân Phúc	Phó phòng	6.228.000	20	A	9.333.000	3	1.134.000	7	1.676.769	810.000		12.953.769	498.200	93.400	62.300	129.500	55.000	200.000	143.000	1.181.400	11.772.369	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**549**		**160.769.000**	**31**	**8.277.000**	**69**	**13.619.114**	**1.620.000**	**200.000**	**184.485.114**	**9.646.800**	**1.809.100**	**1.205.900**	**1.844.700**	**1.320.000**	**4.600.000**	**1.144.000**	**21.570.500**	**162.914.614**	
5	HL-03428	Nguyễn Huy Quyền	Chuyên viên	5.149.000	22	A	7.267.000	2	534.000	5	990.192			8.791.192	411.900	77.200	51.500	87.900	55.000	200.000	28.600	912.100	7.879.092	
6	HL-04619	Trần Văn Hanh	Chuyên viên	5.149.000	20	A	7.267.000	2	534.000	7	1.386.269			9.187.269	411.900	77.200	51.500	91.900	55.000	200.000	85.800	973.300	8.213.969	
7	HL-00223	Lê Hồng Công	Chuyên viên	7.151.000	27	A	6.933.000							6.933.000	572.100	107.300	71.500	69.300	55.000	200.000		1.075.200	5.857.800	
8	HL-06503	Chu Quang Minh	Nhân viên	4.476.000	26	A	6.000.000						200.000	6.200.000	358.100	67.100	44.800	62.000	55.000	200.000		787.000	5.413.000	
9	HL-04521	La Công Quân	Nhân viên	4.740.000	20	A	6.675.000			6	1.093.846			7.768.846	379.200	71.100	47.400	77.700	55.000	200.000	57.200	887.600	6.881.246	
10	HL-03390	Đồng Văn Huấn	Chuyên viên	4.904.000	27	A	6.933.000					810.000		7.743.000	392.300	73.600	49.000	77.400	55.000	200.000		847.300	6.895.700	
11	HL-00902	Nguyễn Văn Lâm	Chuyên viên	5.149.000	27	B	6.587.000	2	534.000					7.121.000	411.900	77.200	51.500	71.200	55.000	200.000		866.800	6.254.200	
12	HL-04052	Dương Đình Anh	Chuyên viên	5.406.000	27	A	6.933.000	3	801.000					7.734.000	432.500	81.100	54.100	77.300	55.000	200.000		900.000	6.834.000	
13	HL-00048	Trần Công Trung	Chuyên viên	6.259.000	27	A	6.933.000							6.933.000	500.700	93.900	62.600	69.300	55.000	200.000	28.600	1.010.100	5.922.900	
14	HL-00740	Đoàn Thị Thắm	Chuyên viên	4.904.000	27	A	6.933.000							6.933.000	392.300	73.600	49.000	69.300	55.000	200.000		839.200	6.093.800	
15	HL-03094	Nguyễn Văn Tuấn	Chuyên viên	4.904.000		A				5	943.077			943.077				9.400	55.000			64.400	878.677	
16	HL-02986	Uông Sỹ Duẩn	Chuyên viên	4.904.000	21	A	7.266.000	1	267.000	6	1.131.692			8.664.692	392.300	73.600	49.000	86.600	55.000	200.000	57.200	913.700	7.750.992	
17	HL-00406	Bùi Châu Thuấn	Chuyên viên	5.677.000	27	A	7.966.000	1	267.000					8.233.000	454.200	85.200	56.800	82.300	55.000	200.000		933.500	7.299.500	
18	HL-04468	Hà Đình Cường	Chuyên viên	4.904.000	15	A	5.066.000	1	267.000	6	1.131.692			6.464.692	392.300	73.600	49.000	64.600	55.000	200.000	143.000	977.500	5.487.192	
19	HL-02051	Nguyễn Tài Chính	Chuyên viên	4.740.000	20	A	7.600.000	3	801.000	7	1.276.154			9.677.154	379.200	71.100	47.400	96.800	55.000	200.000	143.000	992.500	8.684.654	
20	HL-01954	Lại Văn Nhật	Chuyên viên	5.406.000	20	A	6.933.000	3	801.000	7	1.455.462			9.189.462	432.500	81.100	54.100	91.900	55.000	200.000	143.000	1.057.600	8.131.862	
21	HL-01517	Phạm Văn Trọng	Chuyên viên	5.677.000	20	A	7.163.000	2	534.000	7	1.528.423			9.225.423	454.200	85.200	56.800	92.300	55.000	200.000	143.000	1.086.500	8.138.923	
22	HL-00471	Phạm Anh Thiện	Chuyên viên	4.740.000	27	A	7.600.000	2	534.000					8.134.000	379.200	71.100	47.400	81.300	55.000	200.000		834.000	7.300.000	
23	HL-01334	Nguyễn Tiến Văn	Chuyên viên	4.904.000	27	B	7.087.000	2	534.000					7.621.000	392.300	73.600	49.000	76.200	55.000	200.000		846.100	6.774.900	
24	HL-00500	Nguyễn Đức Duy	Chuyên viên	5.406.000	27	A	7.164.000	2	534.000					7.698.000	432.500	81.100	54.100	77.000	55.000	200.000		899.700	6.798.300	
25	HL-04601	Vũ Đức Hạnh	Chuyên viên	4.670.000	21	A	7.164.000	2	534.000	6	1.077.692			8.775.692	373.600	70.100	46.700	87.800	55.000	200.000	114.400	947.600	7.828.092	
26	HL-00224	Hoàng Quốc Vị	Chuyên viên	5.406.000	27	A	7.433.000	2	534.000			810.000		8.777.000	432.500	81.100	54.100	87.800	55.000	200.000		910.500	7.866.500	
27	HL-01808	Nguyễn Trung Vinh	Chuyên viên	5.960.000	20	A	6.933.000			7	1.604.615			8.537.615	476.800	89.400	59.600	85.400	55.000	200.000	200.200	1.166.400	7.371.215	
28	HL-04172	Đào Mạnh Cường	Chuyên viên	4.904.000	27	A	6.933.000	1	267.000					7.200.000	392.300	73.600	49.000	72.000	55.000	200.000		841.900	6.358.100	
Tổng cộng					**643**		**203.049.000**	**39**	**11.775.000**	**83**	**16.899.691**	**2.430.000**	**200.000**	**234.353.691**	**11.793.600**	**2.211.600**	**1.474.300**	**2.343.300**	**1.540.000**	**5.400.000**	**1.487.200**	**26.250.000**	**208.103.691**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 1 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng